

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2021 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 224 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2021 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2021 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; cụ thể như sau:

1. Danh mục các dự án cần thu hồi đất và mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng: Gồm 68 công trình, dự án, với tổng khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 1.615.049.000.000 đồng (Một nghìn sáu trăm mười lăm tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu đồng), tổng diện tích đất thu hồi là 615,55 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

2. Diện tích đất trồng lúa phải chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác để thực hiện 52 công trình, dự án là 124,45 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).

3. Diện tích đất trồng rừng phòng hộ phải chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác để thực hiện 01 công trình, dự án là 0,45 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy trình, quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 22 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lâm Văn Mẫn



Phụ lục I
DANH SÁCH DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT, MỨC VỐN BÒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 153 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
I	HUYỆN CÙ LAO DUNG	15,40		15,40		15,40	36.880,00			
1	Đường huyện 12A, 13, 14, 15 huyện Cù Lao dung	15,10		15,10		15,10	36.480,00	Ngân sách	Thị trấn Cù Lao Dung, xã An Thạnh Tây, xã Đại Ân 1, xã An Thạnh Đông, xã An Thạnh 2, xã An Thạnh 3, xã An Thạnh Nam	Công văn số 486/UBND-HC ngày 20/5/2020 của UBND huyện Cù Lao Dung
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng	0,30		0,30		0,30	400,00	Ngân sách	Các ấp trên địa bàn xã An Thạnh 2	
II	THỊ XÃ VĨNH CHÂU	52,50		52,50		52,50	2.200,00			
1	Đường dây đầu nối Nhà máy điện gió số 18	0,10		0,10		0,10		Ngoài ngân sách	Xã Vĩnh Hiệp	Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Nhà máy điện gió số 7 (giai đoạn 2)	1,00		1,00		1,00		Ngoài ngân sách	Xã Vĩnh Hải	Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)		Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa					Các loại đất khác
3	Cải tạo, nâng tiết diện dây đường dây 110kv Sóc Trăng 2 - Vĩnh Châu	0,07		0,07			Ngoài ngân sách	Phường 1, phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Hiệp	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương	
4	Lộ ra 110kv Trạm 220kv Vĩnh Châu	0,69		0,69			Ngoài ngân sách	Phường 2, xã Lạc Hòa		
5	Đường dây 110kv Bạc Liêu 2 - Vĩnh Châu	1,06		1,06			Ngoài ngân sách	Phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Tân, xã Lai Hòa		
6	Trường Tiểu học Lạc Hòa 2	0,70		0,70		1.000,00	Ngân sách	Xã Lạc Hòa	Công văn số 1984/UBND-KT ngày 13/11/2020 của UBND thị xã Vĩnh Châu	
7	Đầu tư dự án trụ sở UBND xã Lạc Hòa	0,51		0,51		800,00	Ngân sách	Xã Lạc Hòa		
8	Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2	29,10		29,10			Ngoài ngân sách	Xã Lạc Hòa, xã Vĩnh Hải, xã Hòa Đông	Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng	
9	Nhà máy điện gió Hòa Đông 2	19,25		19,25			Ngoài ngân sách	Xã Lạc Hòa, xã Hòa Đông, phường Khánh Hòa	Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng	
10	Trung tâm Văn hóa thị xã Vĩnh Châu	0,02		0,02		400,00	Ngân sách	Phường 1	Công văn số 1984/UBND-KT ngày 13/11/2020 của UBND thị xã Vĩnh Châu	
III	HUYỆN TRẦN ĐỀ	14,06		14,06	10,75	3,31	35.330,00			
1	Trường Mẫu giáo xã Lịch Hội Thượng	0,50		0,50	0,50		700,00	Ngân sách	Xã Lịch Hội Thượng	Công văn số 905/UBND-TNMT ngày 03/11/2020 của UBND huyện Trần Đề
2	Mở rộng Trường Tiểu học Đại Ân 2A	0,05		0,05	0,05		75,00	Ngân sách	Xã Đại Ân 2	
3	Mở rộng Trường Mẫu giáo Đại Ân 2	0,20		0,20	0,20		300,00	Ngân sách	Xã Đại Ân 2	
4	Mở rộng Trường Tiểu học Viên An 1	0,20		0,20	0,20		300,00	Ngân sách	Xã Viên An	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
5	Đường huyện 36, huyện Trần Đề	12,00		12,00	9,80	2,20	24.500,00	Ngân sách	Xã Lịch Hội Thượng, xã Liêu Tú, xã Viên Bình, xã Thạnh Thới An	Công văn số 658/BQLDA2-PDA1 ngày 21/8/2020 của Ban Quản lý dự án 2
6	Xây dựng mới 04 cầu: Viên Bình, Trà Môn, Lịch Hội Thượng, Hội Trung (ĐT934), tỉnh Sóc Trăng	1,11		1,11		1,11	9.455,00	Ngân sách	Huyện Trần Đề	Công văn số 658/BQLDA2-PDA1 ngày 21/8/2020 của Ban Quản lý dự án 2
IV	HUYỆN MỸ XUYÊN	24,03	1,34	22,69	16,09	6,60	55.014,00			
1	Đường huyện 56, huyện Mỹ Xuyên, (giai đoạn 2), tỉnh Sóc Trăng	10,20		10,20	7,13	3,07	31.831,00	Ngân sách	Xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú	Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
2	Đường huyện 57 (đoạn 2) huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	9,20	0,38	8,82	7,88	0,94	16.569,00	Ngân sách	Xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú	Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
3	Chống ngập khu vực trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên do triều cường kết hợp ứng phó biến đổi khí hậu	1,80	0,96	0,84	0,80	0,04	4.114,00	Ngân sách	Thị trấn Mỹ Xuyên	Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng
4	Cải tạo nâng cấp kênh Hitech	2,76		2,76	0,23	2,53	2.500,00	Ngân sách	Thị trấn Mỹ Xuyên	Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng
5	Cải tạo, nâng tiết diện dây đường dây 110kV Sóc Trăng 2 - Vĩnh Châu	0,07		0,07	0,05	0,02		Ngoài ngân sách	Xã Đại Tâm, xã Tham Đôn, xã Ngọc Đông, xã Ngọc Tố	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương
V	HUYỆN THẠNH TRỊ	13,44		13,44	11,71	1,73	74.359,00			
1	Đường huyện 65, huyện Thạnh Trị	4,56		4,56	4,01	0,55	25.453,00	Ngân sách	Xã Thạnh Trị, xã Vĩnh Thành	Công văn số 545/UBND-VP ngày 04/11/2020 của UBND huyện Thạnh Trị
2	Đường huyện 67, huyện Thạnh Trị	8,88		8,88	7,70	1,18	48.906,00	Ngân sách	Xã Vĩnh Lợi, xã Châu Hưng	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
VI	HUYỆN MỸ TÚ	19,50	1,66	17,84	5,17	12,67	45.425,00			
1	Đường dẫn Cầu Mai Văn Thờ	0,03		0,03		0,03	150,00	Ngân sách	Xã Mỹ Tú	Công văn số 981/UBND-VP ngày 05/11/2020 của UBND huyện Mỹ Tú
2	Dự án xây dựng lộ Phú Tức - Bung Cóc, Mỹ Tú	0,90		0,90	0,90		1.400,00	Ngân sách	Xã Phú Mỹ	
3	Mở rộng Trường Tiểu học Long Hưng A	0,10		0,10		0,10	250,00	Ngân sách	Xã Long Hưng	
4	Trường Tiểu học Mỹ Thuận B (vị trí Trường Tiểu học Mỹ Thuận A và thu hồi thêm 2.500 m ²)	0,63	0,38	0,25	0,25		500,00	Ngân sách	Xã Mỹ Thuận	
5	Nâng cấp Đường A1 (đoạn 939 qua thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa)	2,78	0,98	1,80	1,10	0,70	13.500,00	Ngân sách	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Mỹ Hương	
6	Trụ sở UBND thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	0,41	0,30	0,11	0,11		1.650,00	Ngân sách	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	
7	Trụ ở UBND xã Mỹ Hương	0,65		0,65	0,61	0,04	3.000,00	Ngân sách	Xã Mỹ Hương	
8	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 938 (đoạn từ đường tỉnh 939 đến đường tỉnh 940)	14,00		14,00	2,20	11,80	24.975,00	Ngân sách	Xã Thuận Hưng, xã Mỹ Thuận	Công văn số 857/BQLDA2-PDA1 ngày 09/11/2020 của Ban Quản lý dự án 2
VII	HUYỆN CHÂU THÀNH	103,89	5,51	98,38	92,17	6,21	152.362,00			
1	Hệ thống đường giao thông Đường huyện 90, Đường huyện 92, Đường huyện 93, huyện Châu Thành	7,27		7,27	3,90	3,37	6.911,00	Ngân sách	Xã An Hiệp, xã An Ninh, xã Hồ Đắc Kiện	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
2	Đường huyện 96, huyện Châu Thành	4,57		4,57	4,57		7.451,00	Ngân sách	Xã Phú Tân, xã Phú Tâm	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Trà Quýt A	7,16		7,16	6,50	0,66	20.000,00	Ngân sách	Thị trấn Châu Thành	Công văn số 926/UBND-VP ngày 05/11/2020 của UBND huyện Châu Thành
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Xây Đá	8,39	5,51	2,88	1,20	1,68	16.000,00	Ngân sách	Thị trấn Châu Thành	
5	Cụm công nghiệp An Nghiệp	70,00		70,00	70,00		90.000,00	Ngân sách	Xã An Hiệp	Công văn 1111/UBND-TH ngày 08/7/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn từ thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (đoạn qua huyện Châu Thành)	6,50		6,50	6,00	0,50	12.000,00	Ngân sách	Xã Hồ Đắc Kiện, thị trấn Châu Thành	Công văn số 926/UBND-VP ngày 05/11/2020 của UBND huyện Châu Thành
VIII	HUYỆN KẾ SÁCH	48,82	16,81	32,01	5,32	26,69	66.700,00			
1	Trường Tiểu học Kế An 1	0,66		0,66	0,66		1.000,00	Ngân sách	Xã Kế An	
2	Đường huyện 3 (Tha La - Cái Trâm - Lầu Bà) huyện Kế Sách	12,45		12,45	0,96	11,49	24.000,00	Ngân sách	Xã Trinh Phú, xã Ba Trinh, thị trấn An Lạc Thôn	
3	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Trinh Phú	0,60	0,40	0,20	0,10	0,10	400,00	Ngân sách	Xã Trinh Phú	
4	Mở rộng Đường tỉnh 932 (Cầu Na Tung - Đường Phan Văn Hùng)	1,20		1,20		1,20	3.600,00	Ngân sách	Thị trấn Kế Sách	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó						
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác					
5	Đường tỉnh 932 (Thới An Hội - Cái Trâm)	5,32	4,87	0,45		0,45	3.000,00	Ngân sách	Xã Trinh Phú	Công văn số 409/UBND-VP ngày 09/11/2020 của UBND huyện Kế Sách	
6	Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A	9,98		9,98		9,98	15.000,00	Ngân sách	Xã Đại Hải		
7	Xây dựng mới đường Tỉnh 932D (Kênh 5 - Mỏ Neo)	4,51	2,96	1,55	0,30	1,25	2.500,00	Ngân sách	Xã Đại Hải		
8	Khu tái định cư Quốc lộ 1A	1,50		1,50	1,00	0,50	3.000,00	Ngân sách	Xã Đại Hải		
9	Nâng cấp hệ thống đê bao các Cù lao huyện Kế Sách	6,00	5,90	0,10		0,10	200,00	Ngân sách	Xã An Lạc Tây, xã Phong Nẫm		
10	Khu đô thị mới	3,00	2,28	0,72		0,72	10.000,00	Ngân sách	Thị trấn An Lạc Thôn		
11	Nghĩa trang nhân dân liên xã (Thới An Hội - Kế Thành - Nhơn Mỹ)	2,00		2,00	2,00		2.800,00	Ngân sách	Xã Thới An Hội		
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp trên địa bàn huyện Kế Sách	1,60	0,40	1,20	0,30	0,90	1.200,00	Ngân sách	Các ấp trên địa bàn huyện		
IX	HUYỆN LONG PHÚ	178,63	6,37	172,26	99,38	72,88	744.945,00				
1	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Long Đức 1, 2 và đường vào	9,90		9,90	9,12	0,78	41.580,00	Ngân sách	Xã Long Đức		Công văn số 772/UBND-TNMT ngày 22/10/2020 của UBND huyện Long Phú

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
2	Đường huyện 25 + 26, xã Tân Hưng, huyện Long Phú	8,42	6,07	2,35	0,39	1,96	22.055,00	Ngân sách	Xã Tân Hưng	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
3	Đường huyện 28 (Tân Thạnh - Tân Hưng - Long Phú)	6,81		6,81	5,46	1,35	28.560,00	Ngân sách	Xã Tân Thạnh, Xã Tân Hưng	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
4	Trường Trung học phổ thông Đại Ngãi	1,50		1,50	0,31	1,19	6.750,00	Ngân sách	Xã Song Phụng	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
5	Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú	2,00	0,30	1,70		1,70	6.000,00	Ngân sách	T thị trấn Long Phú	Công văn số 772/UBND-TNMT ngày 22/10/2020 của UBND huyện Long Phú
6	Cụm công nghiệp Long Đức 1	75,00		75,00	47,35	27,65	320.000,00	Ngân sách	Xã Long Đức	Công văn số 1111/UBND-TH ngày 08/7/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng .
7	Cụm công nghiệp Long Đức 2	75,00		75,00	36,75	38,25	320.000,00	Ngân sách	Xã Long Đức	
X	THỊ XÃ NGÃ NĂM	3,33	0,95	2,38	0,80	1,58	21.554,00			
1	Đường Nguyễn Trãi, Phường 1	2,53	0,95	1,58		1,58	21.554,00	Ngân sách	Phường 1	Công văn số 409/UBND-VP ngày 09/11/2020 của UBND thị xã Ngã Năm
2	Trạm biến áp 110 kV thị xã Ngã Năm	0,80		0,80	0,80			Ngoài ngân sách	Phường 1	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương
XI	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG	0,12		0,12	0,10	0,02				
1	Đường dây 220KV Sóc Trăng - Trần Đề	0,12		0,12	0,10	0,02		Ngoài ngân sách	Phường 10	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương
XII	CÁC DỰ ÁN LIÊN HUYỆN	174,47		174,47	41,01	133,46	380.280,00			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
1	Đầu tư Tuyến đường bộ ven biển nối liền Trà Vinh - Sóc Trăng - Bạc Liêu	73,76		73,76		73,76	180.000,00	Ngân sách	Thị xã Vĩnh Châu	Công văn số 857/BQLDA2-PDA1 ngày 09/11/2020 của Ban Quản lý dự án 2
2	Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây, tỉnh Sóc Trăng	92,90		92,90	37,00	55,90	191.000,00	Ngân sách	Thị xã Ngã Năm, huyện Thạnh Trị, huyện Mỹ Xuyên, thị xã Vĩnh Châu	
3	Đường dây 110kV Trần Đề - Trạm 220kV Sóc Trăng	1,46	0,00	1,46	1,26	0,20		Ngoài ngân sách	Huyện Trần Đề, huyện Mỹ Xuyên, thành phố Sóc Trăng	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương
4	Đường dây đầu nối nhà máy điện gió số 16 Sóc Trăng Envision	3,67		3,67	2,10	1,57		Ngoài ngân sách	Huyện Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Tú, thị xã Vĩnh Châu, thành phố Sóc Trăng	Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng
5	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp - Sóc Trăng	0,50		0,50	0,02	0,48		Ngoài ngân sách	Huyện Châu Thành, huyện Kế Sách, thành phố Sóc Trăng	Công văn số 4744/PCST-KHVT ngày 23/9/2020 của Công ty Điện lực Sóc Trăng
6	Xây dựng mới 03 cầu: 30/4, Na Tung (ĐT.932); Sóc Dầu (ĐT.933)	0,88		0,88		0,88	5.780,00	Ngân sách	Huyện Kế Sách, huyện Long Phú, huyện Châu Thành	Công văn số 658/BQLDA2-PDA1 ngày 21/8/2020 của Ban Quản lý dự án 2
7	Xây mới cầu Mang Cá 1 và Mang Cá 2 (ĐT.932B); Cầu Xá Chi (ĐT.933C)	1,30		1,30	0,63	0,67	3.500,00	Ngân sách	Huyện Kế Sách, huyện Long Phú	
Tổng số: 68 công trình		648,19	32,64	615,55	282,50	333,05	1.615.049,00			



Phụ lục II
DA II MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng (ha)			Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó			
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác		
I	HUYỆN TRẦN ĐỀ	12,95		12,95	10,75	2,20		
1	Trường Mẫu giáo xã Lịch Hội Thượng	0,50		0,50	0,50		Xã Lịch Hội Thượng	Công văn số 905/UBND-TNMT ngày 03/11/2020 của UBND huyện Trần Đề
2	Mở rộng Trường Tiểu học Đại Ân 2A	0,05		0,05	0,05		Xã Đại Ân 2	
3	Mở rộng Trường Mẫu giáo Đại Ân 2	0,20		0,20	0,20		Xã Đại Ân 2	
4	Mở rộng Trường Tiểu học Viên An 1	0,20		0,20	0,20		Xã Viên An	
5	Đường huyện 36, huyện Trần Đề	12,00		12,00	9,80	2,20	Xã Lịch Hội Thượng, xã Liêu Tú, xã Viên Bình, xã Thạnh Thới An	Công văn số 658/BQLDA2-PDA1 ngày 21/8/2020 của Ban Quản lý dự án 2
II	HUYỆN MỸ XUYÊN	24,03	1,34	22,69	16,09	6,60		
1	Đường huyện 56, huyện Mỹ Xuyên (giai đoạn 2), tỉnh Sóc Trăng	10,20		10,20	7,13	3,07	Xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú	Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
2	Đường huyện 57 (đoạn 2), huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	9,20	0,38	8,82	7,88	0,94	Xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú	Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
3	Chống ngập khu vực trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên do triều cường kết hợp ứng phó biến đổi khí hậu	1,80	0,96	0,84	0,80	0,04	Thị trấn Mỹ Xuyên	Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng
4	Cải tạo nâng cấp kênh Hitech	2,76		2,76	0,23	2,53	Thị trấn Mỹ Xuyên	Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng (ha)			Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó			
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác		
5	Cải tạo, nâng tiết diện dây đường dây 110kV Sóc Trăng 2 - Vĩnh Châu	0,07		0,07	0,05	0,02	Xã Đại Tâm, xã Tham Đôn, xã Ngọc Đông, xã Ngọc Tố	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương
III	HUYỆN THẠNH TRỊ	13,44		13,44	11,71	1,73		
1	Đường huyện 65, huyện Thạnh Trị	4,56		4,56	4,01	0,55	Xã Thạnh Trị, xã Vĩnh Thành	Công văn số 545/UBND-VP ngày 04/11/2020 của UBND huyện Thạnh Trị
2	Đường huyện 67, huyện Thạnh Trị	8,88		8,88	7,70	1,18	Xã Vĩnh Lợi, xã Châu Hưng	
IV	HUYỆN MỸ TÚ	32,07	1,66	30,41	16,64	13,77		
1	Dự án xây dựng lộ Phú Tức - Bung Cóc, Mỹ Tú	0,90		0,90	0,90		Xã Phú Mỹ	Công văn số 981/UBND-VP ngày 05/11/2020 của UBND huyện Mỹ Tú
2	Trường Tiểu học Mỹ Thuận B (vị trí Trường Tiểu học Mỹ Thuận A và thu hồi thêm 2.500 m ²)	0,63	0,38	0,25	0,25		Xã Mỹ Thuận	
3	Nâng cấp Đường A1 (đoạn 939 qua thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa)	2,78	0,98	1,80	1,10	0,70	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Mỹ Hương	
4	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	0,41	0,30	0,11	0,11		Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	
5	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Mỹ Hương	0,65		0,65	0,65		Xã Mỹ Hương	
6	Đất trang trại chăn nuôi	3,70		3,70	2,43	1,27	Xã Mỹ Thuận	
7	Cụm năng lượng mặt trời	9,00		9,00	9,00		Xã Long Hưng	
8	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 938 (đoạn từ Đường tỉnh 939 đến Đường tỉnh 940)	14,00		14,00	2,20	11,8	Xã Thuận Hưng, xã Mỹ Thuận	Công văn số 857/BQLDA2-PDA1 ngày 09/11/2020 của Ban Quản lý dự án 2
V	HUYỆN CHÂU THÀNH	37,39	5,51	31,88	25,67	6,21		
1	Hệ thống đường giao thông Đường huyện 90, Đường huyện 92, Đường huyện 93	7,27		7,27	3,90	3,37	Xã An Hiệp, xã An Ninh, xã Hồ Đắc Kiện	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng (ha)			Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó			
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác		
2	Đường huyện 96, huyện Châu Thành	4,57		4,57	4,57		Xã Phú Tân, xã Phú Tân	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Trà Quýt A	7,16		7,16	6,50	0,66	Thị trấn Châu Thành	Công văn số 926/UBND-VP ngày 05/11/2020 của UBND huyện Châu Thành
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Xây Đá	8,39	5,51	2,88	1,20	1,68	Thị trấn Châu Thành	
5	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn từ thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (đoạn qua huyện Châu Thành)	6,50		6,50	6,00	0,50	Xã Hồ Đắc Kiện, thị trấn Châu Thành	
6	Dự án nuôi ngọc trai nước ngọt	3,50		3,50	3,50		Xã Hồ Đắc Kiện	
VI	HUYỆN KẾ SÁCH	38,42	3,76	34,66	20,42	14,24		
1	Trường Tiểu học Kế An 1	0,66		0,66	0,66		Xã Kế An	Công văn số 409/UBND-VP ngày 09/11/2020 của UBND huyện Kế Sách
2	Đường huyện 3 (Tha La - Cái Trâm - Lầu Bà) huyện Kế Sách	12,45		12,45	0,96	11,49	Xã Trinh Phú, xã Ba Trinh, thị trấn An Lạc Thôn	
3	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Trinh Phú	0,60	0,40	0,20	0,10	0,10	Xã Trinh Phú	
4	Xây dựng mới đường Tỉnh 932D (Kênh 5 - Mô Neo)	4,51	2,96	1,55	0,3	1,25	Xã Đại Hải	
5	Khu tái định cư Quốc lộ 1A	1,50		1,50	1,00	0,50	Xã Đại Hải	
6	Nghĩa trang nhân dân liên xã (Thới An Hội - Kế Thành - Nhơn Mỹ)	2,00		2,00	2,00		Xã Thới An Hội	
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp trên địa bàn huyện Kế Sách	1,60	0,40	1,20	0,30	0,90	Các ấp trên địa bàn huyện	
8	Dự án Trang trại chăn nuôi gà	4,50		4,50	4,50		Ấp Đông Hải, xã Đại Hải	
9	Dự án Trang trại trồng cây dược liệu kết hợp măng tây và rau củ quả	2,60		2,60	2,60		Ấp 5B, xã Ba Trinh	
10	Dự án Trang trại thảo dược	8,00		8,00	8,00		Thị trấn Kế Sách	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng (ha)			Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó			
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác		
VII	HUYỆN LONG PHÚ	26,68	6,07	20,61	15,33	5,28		
1	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Long Đức 1, 2 và đường vào	9,90		9,90	9,12	0,78	Xã Long Đức	Công văn số 772/UBND-TNMT ngày 22/10/2020 của UBND huyện Long Phú
2	Đường huyện 25 + 26, xã Tân Hưng, huyện Long Phú	8,42	6,07	2,35	0,39	1,96	Xã Tân Hưng	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
3	Đường huyện 28 (Tân Thạnh - Tân Hưng - Long Phú)	6,81		6,81	5,46	1,35	Xã Tân Thạnh, xã Tân Hưng	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
4	Nhà văn hóa ấp Trường Lộc	0,05		0,05	0,05		Xã Trường Khánh	Công văn số 772/UBND-TNMT ngày 22/10/2020 của UBND huyện Long Phú
5	Trường Trung học phổ thông Đại Ngãi	1,50		1,50	0,31	1,19	Xã Song Phụng	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sóc Trăng
VIII	THỊ XÃ NGÃ NĂM	2,06		2,06	2,06			
1	Trạm biến áp 110 kV thị xã Ngã Năm	0,80		0,80	0,80		Phường 1	Công văn số 409/UBND-VP ngày 09/11/2020 của UBND thị xã Ngã Năm
2	Trang trại chăn nuôi tổng hợp	1,20		1,20	1,20		Xã Mỹ Quới	
3	Xây dựng trụ sở Công an Phường 2	0,06		0,06	0,06		Phường 2	Công văn số 423/UBND-VP ngày 23/11/2020 của UBND thị xã Ngã Năm
IX	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG	3,82		3,82	1,77	2,05		
1	Mở rộng Trung tâm từ thiện Văn hóa Tâm linh Phật giáo Sóc Trăng	0,68		0,68	0,68		Phường 5	Công văn số 2459/UBND-KT ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Công an Phường 10	0,05		0,05	0,05		Phường 10	Công văn số 1636/UBND-HC ngày 06/11/2020 của UBND thành phố Sóc Trăng
3	Khu dân cư Lê Hồng Phong	2,97		2,97	0,94	2,03	Phường 3	Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng (ha)			Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó			
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác		
4	Đường dây 220kV Sóc Trăng - Trần Đề	0,12		0,12	0,10	0,02	Phường 10	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương
X	CÁC DỰ ÁN LIÊN HUYỆN	6,93		6,93	4,01	2,92		
1	Xây mới cầu Mang Cá 1 và Mang Cá 2 (ĐT.932B); Cầu Xá Chi (ĐT.933C)	1,30		1,30	0,63	0,67	Huyện Kế Sách, huyện Long Phú	Công văn số 658/BQLDA2-PDA1 ngày 21/8/2020 của Ban Quản lý dự án 2
2	Đường dây 110kV Trần Đề - Trạm 220kV Sóc Trăng	1,46		1,46	1,26	0,20	Huyện Trần Đề, huyện Mỹ Xuyên, thành phố Sóc Trăng	Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 27/7/2018 của Bộ Công Thương
3	Đường dây đầu nối nhà máy điện gió số 16 Sóc Trăng Envision	3,67		3,67	2,10	1,57	Huyện Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Tú, thị xã Vĩnh Châu, thành phố Sóc Trăng	Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng
4	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp - Sóc Trăng	0,50		0,50	0,02	0,48	Huyện Châu Thành, huyện Kế Sách, thành phố Sóc Trăng	Công văn số 4744/PCST-KHVT ngày 23/9/2020 của Công ty Điện lực Sóc Trăng
Tổng số: 52 công trình		197,79	18,34	179,45	124,45	55,00		



Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH CÁC DỰ ÁN CÓ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất chuyên mục đích sử dụng (ha)			Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó			
					Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
1	Chùa Đay Ta Pay	0,45		0,45	0,45		Áp Đại Bái, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu	Công văn số 1930/UBND-KT ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng
Tổng số: 01 công trình		0,45		0,45	0,45			